

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 02 – 2023

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh;

2. Ông Lê Văn Dài.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Chí Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị A, sinh năm 1991. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1980. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị A trình bày:**

Chị Võ Thị A và anh Nguyễn Thanh B chung sống với nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện G, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 03/11/2009. Trước khi kết hôn, anh chị có quen biết, tìm hiểu nhau. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Sau khi đám cưới, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Từ năm 2010 đến khoảng đầu năm 2022, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm trong sinh hoạt, việc làm, lối sống, anh B đi làm không đưa tiền cho chị A nuôi con, mà chỉ để tiêu xài cá nhân, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, anh chị không có hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay, chị A không còn tình cảm vợ chồng với anh B.

Chị Võ Thị A và anh Nguyễn Thanh B có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 08/5/2010 và Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 23/6/2014. Hiện nay 02 cháu đang sống với chị A.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Võ Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị A yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

- Về con chung: Chị Võ Thị A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 23/6/2014 và cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 08/5/2010; không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh B không có ý kiến trình bày.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị A: Cho chị Võ Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B; Giao cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 23/6/2014 và cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 08/5/2010 cho chị Võ Thị A được quyền trực tiếp nuôi con đến khi các cháu thành niên; Anh Nguyễn Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung do chị A không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:* Đơn khởi kiện ngày 22/6/2022 của chị Võ Thị A; Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Nguyễn Thanh B và chị Võ Thị A; Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Hoàng K; Trích lục khai sinh của cháu Nguyễn Thị Huyền T; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện và Kết quả xác minh ngày 21/10/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Thanh B cư trú tại ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị A và anh Nguyễn Thanh B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện G, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 03/11/2009. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị Võ Thị A và anh Nguyễn Thanh B là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo trình bày của chị A thì trong thời gian anh chị chung sống với nhau anh chị thường hay cự cãi do bất đồng quan điểm sống, do anh B đi làm không đưa tiền cho chị A nuôi con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi; Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, trong thời gian này, anh chị không có hàn gắn tình cảm với nhau; Hiện nay, chị A không còn tình cảm vợ chồng với anh B. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu ly hôn của chị A, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh B nhiều lần để hòa giải, nhưng anh B không đến Tòa án để hòa giải và trình bày ý kiến của mình. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; nhưng từ những phân tích trên cho thấy, anh chị đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị A và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị A đối với anh Nguyễn Thanh B là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Võ Thị A và anh Nguyễn Thanh B có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 08/5/2010 và Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 23/6/2014. Xét thấy, cháu K và cháu T có nguyện vọng được sống với chị A; Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh B không có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Vì vậy, để tránh việc thay đổi môi trường sống của các cháu, đảm bảo cho các cháu được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần, giao cháu K và cháu T cho chị A được quyền trực tiếp nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Thị A không yêu cầu anh Nguyễn Thanh B cấp dưỡng nuôi con 02 chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A cho rằng anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh B không có ý kiến và yêu cầu về tài sản chung và nợ chung; Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Võ Thị A phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị A.

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 08/5/2010 và Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 23/6/2014 cho chị Võ Thị A được quyền trực tiếp nuôi con đến khi các cháu thành niên.

Anh Nguyễn Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 08/5/2010 và Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 23/6/2014, mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Anh Nguyễn Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung, do chị Võ Thị A không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Võ Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010433 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Võ Thị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh B không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã F, huyện G, tỉnh Đồng Tháp (ĐKKH số 130, ngày 03/11/2009);
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bạch Phiến